TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Hoàng và ông Huỳnh Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên toà*:* Ông Nguyễn Văn Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 108/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1998; nơi đăng ký thường trú: tổ A, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Địa chỉ liên lạc: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang, có mặt;

Bị đơn: Anh Lý Thanh Đ, sinh năm 1995; nơi cư trú: tổ A, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích D trình bày: Năm 2014, chị D và anh Đ tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên chấp thuận tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/TLKH ngày 25/11/2016. Sau khi kết hôn, chị D

và anh Đ sinh sống tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc như trước nên chị D và anh Đ sống xa nhau từ năm 2022 đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị D và anh Đ có 01 (một) con chung tên Lý Thị Bích X, sinh ngày 13/9/2016. Hiện con chung đang sống với chị D. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu X, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành thu thập xác minh chứng cứ: Xác minh tại Ban ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang ngày 26/6/2023 về mối quan hệ hôn nhân và gia đình, nuôi con chung của chị D và anh Đ cụ thể:

Ban ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang cung cấp: Chị Nguyễn Thị Bích D, sinh năm 1998 và anh Lý Thanh Đ, sinh năm 1995 là vợ chồng cùng đăng ký thường trú tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Chị D và anh Đ tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị D và anh Đ sinh sống tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021 chị D và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh Đ sử dụng ma tuý nên chị D và anh Đ sống xa nhau từ khoảng tháng 04 năm 2022 cho đến nay. Hiện nay, chị D đi làm không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Anh Đ thường đi múa lân ở nhiều nơi có khi một, hai ngày mới về nhà, không thường xuyên sinh sống tại địa phương. Quá trình chung sống, chị D và anh Đ có 01 (một) con chung tên Lý Thị Bích X, sinh ngày 13/9/2016. Hiện, cháu X đang được chị D nuôi dạy tốt.

Kết quả xác minh tại Công an xã T, thị xã T, tỉnh An Giang: Anh Lý Thanh Đ, sinh năm 1995 có đăng ký thường trú tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang nhưng không thường xuyên sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, chị D kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh Đ.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định, nhưng bị đơn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án (không có đơn xin vắng mặt). Qua đó cho thấy bị đơn không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị Bích D được ly hôn với anh Lý Thanh Đ.

- **Về con chung:** Giao con chung tên Lý Thị Bích X cho chị Nguyễn Thị Bích D tiếp tục nuôi. Anh Lý Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Chị Nguyễn Thị Bích D khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Lý Thanh Đ. Anh Đ có nơi cư trú tại tổ A, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Lý Thanh Đ được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đ tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/TLKH ngày 25/11/2016 phù hợp Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân giữa chị D và anh Đ là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị D khai, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng bắt đầu từ năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn tranh cãi. Cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc như trước nên chị D và anh Đ không còn chung sống từ năm 2022 đến nay. Gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Theo biên bản xác minh tại Ban ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang: Chị D và anh Đ tự tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị D và anh Đ sinh sống tại ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2021, chị D và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên chị D và anh Đ sống xa nhau từ khoảng tháng 04 năm 2022 cho đến nay.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Tòa án tổ chức hòa giải nhiều lần để tạo điều kiện cho chị D và anh Đ hàn gắn tình cảm, nhưng anh Đ vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tình trạng vợ chồng chị D và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị D ly hôn với anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị D và anh Đ có 01 (một) con chung tên Lý Thị Bích X, sinh ngày 13/9/2016. Hiện con chung đang sống với chị D. Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu X, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Theo biên bản lời khai ngày 14/09/2023 và tại phiên tòa, cháu X có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Theo kết quả xác minh tại Ban ấp H: Chị D và anh Đ có 01 (một) con chung tên Lý Thị Bích X, sinh ngày 13/9/2016. Hiện, cháu X đang được chị D nuôi dạy tốt.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và nguyện vọng của cháu X, cuộc sống của cháu cũng ổn định. Xét, giao con chung tên Lý Thị Bích X cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị X cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D khai, trong thời kỳ hôn nhân, chị D và anh Đ không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí, chị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang .

Anh Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; *Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích D.

Chị Nguyễn Thị Bích D được ly hôn với anh Lý Thanh Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 134/TLKH do Ủy ban nhân dân xã T, thị xã T, tỉnh An Giang cấp ngày 25/11/2016 cho anh Lý Thanh Đ và chị Nguyễn Thị Bích D không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Bích D được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Lý Thị Bích X, sinh ngày 13/9/2016, anh Lý Thanh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị D cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Bích D phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007511 ngày 17/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Chị D đã nộp đủ án phí.

Anh Lý Thanh Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Thời hạn kháng cáo của anh Đ là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- VKSND TX. Tân Châu (02);
- Chi cục THADS TX. Tân Châu (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thùy Dương